TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 115/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 04 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 925/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Điền Thị Mỹ Ngọc, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 889 Trần Hưng Đ, Khóm 1, Phường 10, Thành phố ST, tỉnh ST; Tạm trú: Số 71/7 đường Tân M, phường Tân Thuận T, Quận 7, Tp. HCM.

- Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Hòa L, xã Châu P, thị xã Tân C, tỉnh An G; Tạm trú: Số 67/41 Đường số 10, Tổ 37A, Khu phố 3, phường Tân Q, Quận 7, Tp. HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 83/HT, Quyển số 01/2009 đăng ký tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang ngày 05/6/2010).

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào 02 giấy trích lục khai sinh số 05/TLKS-BS ngày 09/01/2018 của UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Gian và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ Ncó 02 người con

chung, họ tên là Nguyễn Điền Quốc K, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Điền Quốc H, sinh ngày 25/02/2013.

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N thỏa thuận giao 02 người con chung cho ông Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Điền Thị Mỹ N không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ Nphải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 83/HT, Quyển số 01/2009 đăng ký tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang ngày 05/6/2010).

1.2. Về con chung:

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N có 02 người con chung, họ tên là Nguyễn Điền Quốc K, sinh ngày 29/5/2009 và Nguyễn Điền Quốc H, sinh ngày 25/02/2013.

Giao trẻ Nguyễn Điền Quốc K, Nguyễn Điền Quốc H cho ông Nguyễn Hoàng T (là cha) trực tiếp nuôi dưỡng, bà Điền Thị Mỹ N (là mẹ) không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Điền Thị Mỹ N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N không có tài sản chung.

1.4 Về nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ Nkhông có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032051 ngày 25/12/2019 của chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Ông Nguyễn Hoàng T và bà Điền Thị Mỹ N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang